

Bản án số: 426/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Nguyệt
2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐST-DS ngày 15/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Ngọc Q, sinh năm: 1960; địa chỉ cư trú: 84/133 Tôn Thất Hiệp, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Minh L, Sinh năm: 1962; địa chỉ: 411/30 đường H, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Tạ Thị Ngọc Q trình bày:

Bà Q và ông Lâm Minh L là vợ chồng chung sống hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số: 01 do Ủy ban nhân dân phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/1986.

Trong thời gian chung sống vào khoảng năm 1990, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn bà Q trở về nhà cha mẹ ruột ở tại 84/133 Tôn thất Hiệp, Phường 13, Quận 11, còn ông L vẫn ở tại 411/30 đường H, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 1991, ông L đi biệt tích cho tới nay, bà Q đã tìm kiếm khắp nơi qua người thân, bạn bè và đăng báo trên các báo Trung Ương và đài phát thanh truyền hình nhưng vẫn không có tin tức gì của ông L. Năm 2018, bà Q có nộp đơn xin tuyên bố mất tích đối với ông Lâm Minh L. Ngày

13/8/2018, Tòa án nhân dân Quận 11 ra quyết định số 254/2018/QDDT-ST tuyên bố ông Lâm Minh L mất tích kể từ ngày 02/01/1993. Bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông Lâm Minh L.

- Về con chung: Có một con chung là Lâm Tạ Phương U, sinh năm 1987 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn, theo kết quả xác minh Công an Phường 11, Quận 11 cho biết ông Lâm Minh L, sinh năm 1962 thực tế có cư trú tại: 411/30 đường H, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến năm 1991 ông L bỏ đi đâu địa phương không rõ. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn – ông Lâm Minh L đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng như không có văn bản phản hồi; do đó, không thể lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo.

Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Ngọc Q là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Tạ Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Lâm Minh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Tạ Thị Ngọc Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Minh L, đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông L cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, các

văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đều đã được tổng đạt, niêm yết công khai đúng theo quy định. Tuy nhiên, trong lần hòa giải thứ hai, cũng như cả hai lần Tòa án mở phiên tòa, bị đơn - ông Lâm Minh L. đều vắng mặt mà không rõ lý do. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/1986, thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Tạ Thị Ngọc Q. và ông Lâm Minh L. là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được Hội đồng xét xử xét thấy, bà Q. và ông L. đã không còn chung sống với nhau đã hơn 25 năm do ông L. bỏ nhà đi biệt tích. Mặc dù bà Q. đã tìm kiếm khắp nơi qua người thân, bạn bè và đăng báo trên các báo Trung Ương và đài phát thanh truyền hình nhưng vẫn không có tin tức gì của ông L. Ngày 13/8/2018 Tòa án nhân dân Quận 11 ra quyết định số 254/2018/QDDS-ST tuyên bố ông Lâm Minh L. mất tích kể từ 02/01/1993. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị Ngọc Q. được ly hôn ông Lâm Minh L.

Về con chung: Có một con chung là Lâm Tạ Phương U, sinh năm 1987 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Tạ Thị Ngọc Q. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị Ngọc Q:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Lâm Minh L (Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/1986 không còn giá trị).

2. Về con chung: Có một con chung là Lâm Tạ Phương U, sinh năm 1987 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Tạ Thị Ngọc Q và ông Lâm Minh L được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Bà Tạ Thị Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0009951 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 14, Quận 11;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Lại Thị Thu Thủy